

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẠC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12/5/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẠC TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Vinh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Quách Thị Thiết.

Ông Phạm Đức Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hà là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Ngoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/2020/TLST - HNGĐ ngày 24/11/2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐDS - ST ngày 06/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021//QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T - Sinh năm 1986. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn TP, xã MT, huyện NL, Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Hà Văn L - Sinh năm 1983. (Vắng mặt lần thứ hai).

Địa chỉ: Làng M, xã NA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/11/2020, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Hà Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 16/8/2010 tại UBND xã NA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống và về con cái. Kể từ đầu năm 2016 chị đã về nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh L kể từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn L theo quy định của pháp luật.

Về con cái: Chị Bùi Thị T và anh Hà Văn L không có con chung. Chị có một con riêng là Hà Văn T - Sinh ngày 18/01/2019, khi chị làm thủ tục khai sinh cho con, chị đã khai cha của Hà Văn T là Hà Văn L, Kể từ khi sinh con đến nay chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Hà Văn T. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu T cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hà Văn L có mặt theo địa chỉ ghi trong đơn khởi kiện và đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Hà Văn L không trình bày ý kiến về việc chị Bùi Thị T yêu cầu ly hôn, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, cũng không tham gia phiên tòa. Tòa án xét thấy việc anh L vắng mặt thuộc trường hợp bị đơn từ chối khai báo, nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật, việc bị đơn vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa là bị đơn tự bỏ đi quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Hà Văn L và giao cháu Tính cho chị Tâm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Long không phải cấp dưỡng nuôi con, chị phải chịu án phí theo pháp luật. Dành quyền cho chị T và anh L khởi kiện xác định cha cho con theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày chị Bùi Thị T và giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Hà Văn L, đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Tâm và anh Long là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không trình bày ý kiến về việc chị T xin ly hôn, anh L không tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa, điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nên chấp nhận yêu cầu của chị T.

[2]. Về con cái: Căn cứ giấy khai sinh của cháu Hà Văn T xác định chị T và anh L có 01 con chung là Hà Văn T - Sinh ngày 18/01/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án anh L không trình bày ý kiến về việc giao nuôi con và không có ý kiến xác nhận con chung, con riêng, nên không có căn cứ giao con cho anh L. Chị T trình bày cháu Hà Văn T là con riêng của chị, nhưng chị không đưa ra căn cứ chứng minh con riêng của mình, nên lời trình bày của chị T không có cơ sở xác định. Việc xác định con riêng của chị T sẽ dành quyền cho các bên khởi kiện theo quy định của pháp luật. Chị T xin được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, nên chấp nhận.

[3]. Về tài sản: Chị Bùi Thị T không đề nghị Toà án giải quyết và anh Hà Văn L cũng không có ý kiến về phần tài sản, nên về phần tài sản Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về trình tự thủ tục giải quyết vắng mặt anh Hà Văn L Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong đơn khởi kiện chị Bùi Thị T ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của người bị kiện là anh Hà Văn L và anh Long đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, việc anh Hà Văn L vắng mặt không tham gia phiên họp, phiên hòa giải và không tham gia phiên tòa là thuộc trường hợp bị đơn từ chối khai báo, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227 và khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị T.

* Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Hà Văn L.

* Về con cái: Giao cháu Hà Văn T - Sinh ngày 18/01/2019 cho chị Tâm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Hà Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hà Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ngăn cấm.

Dành quyền cho chị Bùi Thị T và anh Hà Văn L khởi kiện vụ án xác định con riêng, con chung theo quy định của pháp luật.

* Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tâm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2019/0011633 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL. Chấp nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

* Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hà Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện NL;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THADS huyện NgọcLặc;
- Các đương sự;
- UBND xã NA, huyện NL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Vinh